

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Nam Văn

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn X**, sinh năm 1966

Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1967.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà **H**: Ông **Lê Văn X**

Địa chỉ: **Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1975.

Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1976

Người đại diện theo ủy quyền cho bà **H1**: Ông **Lê Văn D**

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về ranh giới, mốc giới giữa hai gia đình: Gia đình ông Lê Văn X, bà Trần Thị H có cạnh đất phía bắc tiếp giáp cạnh đất phía nam của gia đình ông Lê Văn D, bà Trần Thị H1, quá trình sử dụng đất có tranh chấp về ranh giới và công trình xây dựng xây dựng liền kề. Nay các bên thống nhất, gia đình ông X, bà H được quyền sử dụng diện tích ranh giới tại cạnh đất phía bắc thuộc thửa đất số 398, tờ bản đồ số 13, thửa đất đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất, số H01058 ngày 20/9/2009 mang tên ông Lê Văn X, bà Trần Thị H. Gia đình ông Lê Văn D, bà Trần Thị H1 là chủ sử dụng đất tại thửa 439, tờ bản đồ số 08, thửa đất đã được Sở T cấp quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CS1006 vào ngày 20/4/2023 mang tên ông Lê Văn D, bà Trần Thị H1. Cụ thể: Ông Lê Văn D, bà Trần Thị H1 có trách nhiệm giao lại phần diện tích đất ranh giới tại vị trí cạnh đất phía nam nhà ông D và phía bắc sau nhà chính nhà ông X cho vợ chồng ông Lê Văn X, bà Trần Thị H quản lý, sử dụng, chiều dài cạnh đất ranh giới là 12.26m, rộng cách tường nhà ông X về phía nhà ông D là 20cm.

Về phần mái văng bê tông tầng 01 và tường xây trên mái văng bê tông sát tường nhà ông X, bà H: Ông D, bà H1 có trách nhiệm tự nguyện cắt bỏ, tháo dỡ phần công trình xây dựng là mái văng bê tông tầng 01 xây sát tường nhà ông X có chiều dài 08.60m, rộng từ 13-15cm theo tường hậu sau nhà ông X, bà H. Thời gian cắt, tháo dỡ mái văng và tường xây trên mái văng được cam kết thực hiện trước ngày 20/12/2023 (Am Lịch).

Về phần khắc phục lắp đặt máng nước mưa của nhà ông D, bà H1: Ông Lê Văn D, bà Trần Thị H1 có trách nhiệm lắp đặt máng nước tại vị trí mái ngói phía nam tầng 02, nếu để nước mưa tự nhiên chảy từ mái ngói nhà ông D, bà H1 chảy xuống công trình nhà ông X, bà H, gây ảnh hưởng đến công trình và ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhà ông X thì ông D, bà H1 phải có trách nhiệm khắc phục lắp đặt máng nước mưa.

Phần cạnh đất ranh giới phía đông nam nhà ông D, bà H1 và phía đông bắc nhà ông X, bà H tại vị trí có bán bình của nhà ông X, bà H dài 4.16m giáp công trình nhà bếp nhà ông D, bà H1 được giữ nguyên hiện trạng. Đối với vị trí vòi nước rửa sinh hoạt nhà ông D, bà H1, được làm gần vị trí tường bán bình và tường nhà chính nhà ông X, bà H. Ông D, bà H1 có trách nhiệm xây sửa lại cách tường nhà hiện có của nhà ông X, bà H là 20cm, việc lắp đặt đường nước thải sinh hoạt phải đảm bảo việc thoát nước từ khu vực có lắp vòi nước trong thửa đất chảy ra nơi đường thoát nước công cộng, đảm bảo không làm mất vệ sinh chung giữa hai nhà.

Trường hợp ông Lê Văn D và bà Trần Thị H1 không thực hiện việc tự nguyện cắt bỏ, tháo dỡ phần công trình như thời gian đã cam kết thỏa thuận, thì ông X, bà H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự để thi hành.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông **Lê Văn D**, bà **Trần Thị H1** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông **Lê Văn X** và bà **Trần Thị H** số tiền 300.000 đồng án phí, theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0009000 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Hậu Lộc;
- Thi hành án dân sự Hậu lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghi